

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-PT

Ngày: 10/3/2022

V/v: Yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở quyền sử dụng đất và yêu
cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.
Ông Võ Công Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Lệ Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/20201/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Cao Duy B, sinh năm 1948.

Cư trú tại: Đường C, tổ 3, khu vực K, phường B, thị xã A, Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960 (có mặt).

Cư trú tại: Đường C, tổ 3, khu vực K, phường B, thị xã A, Bình Định.

- Đồng bị đơn:

1. Ông Bùi Hồng Kh, sinh năm 1961 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Tr, sinh năm 1961 (có mặt).

3. Anh Bùi Xuân Ph, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Đồng trú tại: Đường C, tổ 3, khu vực K, phường B, thị xã A, Bình Định.

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1968 (có mặt).

Cư trú tại: Số 405 đường Qu, phường B, TX. A, Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Bùi Hồng Kh, bà Nguyễn Thị Lệ Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc H: Bà Nguyễn Trần Phương Th - Luật sư đang hoạt động tại Văn phòng Luật sư Nguyễn Tr, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960 (có mặt).

Cư trú tại: Đường C, tổ 3, khu vực K, phường B, thị xã A, Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Cao Duy B; bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị S, trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại đường C, tổ 3, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định, là của gia đình Bà mua của ông Bốn Đ vào năm 1986, sau đó có mua thêm của ông B. Năm 1996, Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nói trên cho vợ chồng Bà với diện tích 99 m². Năm 1999, nhà nước mở rộng đường C, đã giải tỏa một phần diện tích của thửa đất nói trên, diện tích còn lại theo Giấy chứng nhận của gia đình Bà là 33,92m². Ngày 28/7/2020, gia đình Bà được Ủy ban nhân dân thị xã A cấp phép sửa chữa nhà trên diện tích đất còn lại là 33,92m². Ba lần gia đình Bà thuê thợ đến làm đều bị ông Kh, bà Tr, bà H, ông Ph đứng ra ngăn cản chửi bới, bà H còn vào trong đất của gia đình bà ngồi không cho thợ làm buộc thợ phải nghỉ không xây dựng được. Gia đình bà đã nhiều lần báo cáo cho chính quyền địa phương sự việc trên, Ủy ban nhân dân phường B cũng đã mời hai bên đến hòa giải nhưng không thành. Nay ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết để được quyền tiếp tục thực hiện việc xây dựng nhà trên thửa đất, yêu cầu gia đình ông Kh chấm dứt hành vi cản trở, đe dọa đến việc thi công xây dựng nhà và yêu cầu bồi thường thiệt hại cho gia đình Bà gồm xi măng bị chết, sắt thép bị rỉ sét, tiền công thợ.

Bị đơn ông Bùi Hồng Kh và bà Nguyễn Thị Lệ Tr, đồng trình bày:

Năm 1991, vợ chồng ông Kh, bà Tr có mua của ông Nguyễn Tấn M trọn thửa đất có diện tích 2000m², trên đất có căn nhà tranh diện tích 120m². Ngoài ra, bên hông nhà và phía sau nhà là khoảng sân rộng có giếng nước đào nằm trên phần sân giếng là nơi sinh hoạt tắm giặt của gia đình Ông Kh, bà Tr và một số gia đình xung quanh, trong đó có gia đình bà S. Sau khi phân đất của bà S bị giải tỏa, bà S đã lấn chiếm và xây dựng trên cả lối đi và nền giếng, sân giếng của ông

Kh, bà Tr. Vì vậy, phía bị đơn ngăn cản không đồng ý để ông B bà S xây dựng trên phần đất chung này. Ông Kh bà Tr yêu cầu đưa ông M và bà Lê Thị Thanh B vào tham gia tố tụng vì ông M là người bán đất cho ông Kh, bà Tr (viết giấy tay), còn bà B là người biết việc ông Kh, bà Tr mua đất của ông M.

Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc H, trình bày:

Ngày 29/7/2020, ông B cho người lên xây dựng nhà trên mảnh đất mà chị ruột Bà là bà Nguyễn Thị Lệ Tr đang nộp đơn tranh chấp. Lúc này, bà Tr không có ở nhà nên bà Tr ủy quyền cho Bà can thiệp. Giờ bà Tr đã về thì Bà không còn liên quan gì đến việc này.

Bị đơn anh Bùi Xuân Ph, trình bày:

Anh là con ruột của bà Nguyễn Thị Lệ Tr. Ngày 29/7/2020, ông B cho người lên xây dựng nhà trên mảnh đất mà mẹ Anh đang nộp đơn tranh chấp. Lúc này, bà Tr không có ở nhà nên bà Tr bảo Anh đứng ra ngăn cản. Giờ bà Tr đã về thì Anh không còn liên quan gì đến việc này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S, trình bày:

Bà thống nhất như lời khai và yêu cầu của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, đã quyết định:

1. Buộc ông Bùi Hồng Kh, bà Nguyễn Thị Lệ Tr chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất, quyền xây dựng nhà ở đã được Ủy ban nhân dân thị xã A giấy phép sửa chữa, cải tạo nhà ở số: 613/GPSC(GPCT) ngày 28/7/2020 cho ông Cao Duy B và bà Nguyễn Thị S tại địa chỉ tổ 3, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định thuộc thửa đất số 108 tờ bản đồ số 4 diện tích được cấp phép sửa chữa, cải tạo nhà ở là 33,92m² theo đo đạc thực tế là 33,3 m² (có sơ đồ hiện trạng thửa đất lập ngày 09/4/2021 kèm theo). Nếu người nào có hành vi cản trở thì sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

2. Buộc ông Bùi Hồng Kh và bà Nguyễn Thị Lệ Tr phải bồi thường thiệt hại cho ông Cao Duy B và bà Nguyễn Thị S số tiền 3.500.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Bác yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản xi măng, sắt thép, tiền công thợ xây dựng của nhóm thợ Nguyễn Đình M của ông Cao Duy B đối với ông Bùi Hồng Kh và bà Nguyễn Thị Lệ Tr.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định chi phí do đạt, thẩm định, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, nguyên đơn ông Cao Duy B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Không đồng ý đối với một phần nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về vật tư xây dựng nhà bao gồm toàn bộ xi măng, thép mà nguyên đơn đã mua do bị xuống cấp và hư hỏng.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ Tr có đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị tòa giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện đồng thời giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị đơn giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Bùi Xuân Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Tr cho rằng việc ông B, bà S xây dựng nhà lấn sang phần diện tích đất sử dụng chung và không chấp nhận bồi thường thiệt hại cho ông B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ông Cao Duy B được Ủy ban nhân dân huyện A (nay là thị xã A) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 108, tờ bản đồ số 4, diện tích 99m² tọa lạc tại tổ 3, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định vào ngày 13/01/1996. Năm 2019, Ủy ban nhân dân thị xã A thực hiện chủ trương mở rộng đường C, nên thửa đất nói trên của ông Cao Duy B và bà Nguyễn Thị S bị giải tỏa một phần diện tích. Phần diện tích đất giải tỏa Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng thị xã A đã thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ phần diện tích đất bị thu hồi cho hộ ông B, bà S. Diện tích đất còn lại 33,92m² của thửa đất số 108, tờ bản đồ số 4 vợ chồng ông B bà S được Ủy ban nhân dân thị xã A cấp giấy

phép sửa chữa, cải tạo nhà ở số: 613/GPSC(GPCT) ngày 28/7/2020 (có bản vẽ xin phép sửa chữa nhà).

[2.2] Mặt khác, theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 09/4/2021 thì diện tích đất thực tế mà vợ chồng ông B, bà S tiến hành xây dựng là đúng với diện tích đã được Ủy ban nhân dân thị xã A cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo nhà ở số: 613/GPSC(GPCT) ngày 28/7/2020 và sơ đồ vị trí mặt bằng xin phép cải tạo sửa chữa nhà ở.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Kh, bà Tr chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của ông B là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Sau khi được cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo nhà ở, ông B đã gọi thợ đến xây dựng thì bị gia đình bà Tr cản trở, án sơ thẩm xác định thiệt hại là 10 công thợ với tổng số tiền là 3.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà S xác định tổn thất ngày công lao động thợ do việc cản trở gây ra là 06 công thợ, một ngày công thợ là 300.000 đồng, như vậy số tiền là 1.800.000 đồng. Bị đơn cũng thừa nhận khi nguyên đơn đào móng xây nhà thì bị đơn có cản trở nên thợ không thể tiếp tục làm. Do đó, thiệt hại này là thực tế, có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Kh bà Tr phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông B bà S số tiền 1.800.000đ vì đã có hành vi cản trở trái pháp luật là có căn cứ.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ Tr.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Cao Duy B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì hiện trạng các bao xi măng được xếp trên mặt đất, sắt thép đã bị cắt rời, để ngoài trời và không được che chắn nên dẫn đến bị rỉ sét. Lẽ ra, sau khi xảy ra tranh chấp thì ông B cũng phải có nghĩa vụ bảo quản nguyên vật liệu xây dựng chứ không để tài sản ở ngoài đường mà không trông coi, bảo quản dẫn đến thất thoát hoặc hư hỏng là do một phần lỗi của ông B. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông B về việc yêu cầu gia đình ông Kh, bà Tr bồi thường thiệt hại về xi măng và sắt thép bị hư hỏng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc ông Bùi Hồng Kh và bà Nguyễn Thị Lệ Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm mà không tuyên anh Bùi Xuân Ph và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định. Mặt khác, ông Kh và bà Tr là người cao tuổi, lẽ ra phải được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14. Nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Cao Duy B và bà Nguyễn Thị Lệ Tr được miễn.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy Bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Tòa.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm là phù hợp một phần nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 Luật đất đai; Điều 164, 169 và 170 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Cao Duy B và bà Nguyễn Thị Lệ Tr. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 về số tiền bồi thường thiệt hại ngày công thợ do hành vi cản trở trái pháp luật gây ra và phần án phí dân sự sơ thẩm.

1. Buộc ông Bùi Hồng Kh, bà Nguyễn Thị Lệ Tr chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất, quyền xây dựng nhà ở thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 4 đã được Ủy ban nhân dân thị xã A cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo nhà ở số: 613/GPSC(GPCT) ngày 28/7/2020 cho ông Cao Duy B và bà Nguyễn Thị S tại tổ 3, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định, diện tích được cấp phép sửa chữa, cải tạo nhà ở là 33,92m², theo đo đạc thực tế là 33,3m² (có sơ đồ hiện trạng thửa đất lập ngày 09/4/2021 kèm theo).

2. Buộc ông Bùi Hồng Kh và bà Nguyễn Thị Lệ Tr phải bồi thường thiệt hại cho ông Cao Duy B và bà Nguyễn Thị S số tiền 1.800.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản xi măng, sắt thép, tiền công thợ xây dựng của nhóm thợ Nguyễn Đình M của ông Cao Duy B đối với ông Bùi Hồng Kh và bà Nguyễn Thị Lệ Tr.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 3.000.000 đồng, bị đơn phải chịu. Ông Cao Duy B đã nộp xong nên buộc ông Bùi Hồng Kh, bà Nguyễn Thị Lệ Tr, bà Nguyễn Thị Ngọc H và anh Bùi Xuân Ph phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Cao Duy B số tiền 3.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Hồng Kh và bà Nguyễn Thị Lệ Tr được miễn. Buộc anh Bùi Xuân Ph và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải liên đới chịu 300.000 đồng tiền án phí đối với yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái phép quyền sử dụng đất và 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tổng cộng là 600.000đ.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Cao Duy B và bà Nguyễn Thị Lệ Tr được miễn. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Lệ Tr 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp theo biên lai thu số 0004895 ngày 09/9/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm